

Mã chương:

Mẫu số B03/BCQT-CDT

ĐƠN VỊ BÁO CÁO:

(Ban hành kèm theo Thông tư số
79/2019/TT-BTC ngày 14/11/2019 của Bộ Tài
chính)

Mã ĐVQHNS:

THUYẾT MINH BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

Năm.....

A. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tình hình người lao động:

1.1. Người lao động có mặt tại thời điểm báo cáo:Người

Trong đó:

- Công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):Người

- Người lao động theo hợp đồng 68:Người

1.2. Tăng trong năm:Người

Trong đó:

- Công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):Người

- Người lao động theo hợp đồng 68:Người

1.3. Giảm trong năm :Người

Trong đó:

- Công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):Người

- Người lao động theo hợp đồng 68:Người

2. Thực hiện các chỉ tiêu của nhiệm vụ cơ bản:

.....
.....
.

Trong đó:

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi

a. Đánh giá chung:

.....
..

b. Các nhiệm vụ được giao ngoài nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư XD CB:

.....
..

c. Đánh giá kết quả thực hiện chương trình, đề án, dự án lớn, CTMT quốc gia, CTMT giao cho đơn vị thực hiện (nếu có):

.....
..

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công (nếu có):

.....
...

.....
...

3. Những công việc phát sinh đột xuất trong năm:

.....
...

.....
...

B. THUYẾT MINH CHI TIẾT

I. Tình hình sử dụng NSNN trong năm

1. Nguyên nhân của các biến động quyết toán tăng, giảm so với dự toán được giao

(kinh phí năm trước chuyển sang, dự toán hủy bỏ không thực hiện, chi sai chế độ phải xuất toán,... có thể chi tiết theo từng loại kinh phí, theo nhiệm vụ):

.....
.....

.....

2. Nguồn NSNN trong nước

2.1. Kinh phí đã nhận từ năm trước chuyển sang:

a) Kinh phí thường xuyên:

+ Tiền đã nhận nhưng chưa chi:

+ Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:

+ Số dư tạm ứng lệnh chi tiền:

b) Kinh phí không thường xuyên:

+ Tiền đã nhận nhưng chưa chi:

+ Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:

+ Số dư tạm ứng lệnh chi tiền:

Trong đó:

Nguồn tài trợ, biểu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể:

.....

2.2. Dự toán giao năm nay:

a) Kinh phí thường xuyên:

- DT giao đầu năm:
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:
- + Điều chỉnh tăng:
- + Điều chỉnh giảm:

b) Kinh phí không thường xuyên:

- DT giao đầu năm:
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:
- + Điều chỉnh tăng:
- + Điều chỉnh giảm:
- Nguồn tài trợ, biểu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể:.....

2.3. Kinh phí thực nhận trong năm:

- Kinh phí thường xuyên:

Trong đó:

- + Nhận từ rút dự toán ngân sách được giao:
- + Nhận từ Lệnh chi tiền cấp vào tài khoản tiền gửi:
- Kinh phí không thường xuyên:

Trong đó:

- + Nhận từ rút dự toán ngân sách được giao:
- + Nhận từ Lệnh chi tiền cấp vào tài khoản tiền gửi:
- Nguồn tài trợ, biểu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể:.....

2.4. Kinh phí giảm trong năm:

- Nguồn NSNN giảm:.....Lý do giảm:
-
-

2.5. Kinh phí đã nhận chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:

a) Kinh phí thường xuyên:

- + Tiền đã nhận nhưng chưa chi:
- + Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:
- + Số dư tạm ứng lệnh chi tiền:

b) Kinh phí không thường xuyên:

- + Tiền đã nhận nhưng chưa chi:
- + Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:
- + Số dư tạm ứng lệnh chi tiền:

Trong đó:

Nguồn tài trợ, biểu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể:

.....

3. Nguồn viện trợ

3.1. Dự toán được giao năm nay:

- DT giao đầu năm:
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:
- + Điều chỉnh tăng:
- + Điều chỉnh giảm:

3.2. Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm:

- Nhận viện trợ bằng tiền về đơn vị:
- Nhận viện trợ bằng hàng hóa:
- Nhận viện trợ chuyên thẳng cho nhà cung cấp:
- Nhận viện trợ khác:

4. Nguồn vay nợ nước ngoài

4.1. Dự toán được giao năm nay:

- DT giao đầu năm:
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:
- + Điều chỉnh tăng:
- + Điều chỉnh giảm:

4.2. Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN (chi tiết)

II. Tình hình thu phí, lệ phí và sử dụng nguồn phí được khấu trừ, để lại

1. Tình hình thu phí, lệ phí:

STT	Nội dung	Tổng số thu	Số phải nộp NSNN	Số phí được khấu trừ, để lại	Ghi chú
I	Phí				
1	Phí....				
2	Phí...				

3	...				
II	Lệ phí (nộp NSNN 100%)			X	
	...			X	

Trong đó:

- Số phí được khấu trừ, để lại phân bổ cho chi thường xuyên:

- Số phí được khấu trừ, để lại phân bổ cho chi không thường xuyên:

.....
.

2. Tình hình thực hiện chi từ nguồn phí được khấu trừ, để lại

2.1. Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang:

- Kinh phí thường xuyên:

- Kinh phí không thường xuyên:

Trong đó: Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao:

2.2. Dự toán được giao năm nay:

a) Kinh phí thường xuyên:

- DT giao đầu năm:

- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:

+ Điều chỉnh tăng:

+ Điều chỉnh giảm:

.....

b) Kinh phí không thường xuyên:

- DT giao đầu năm:

.....

- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:

+ Điều chỉnh tăng:

+ Điều chỉnh giảm:

.....

2.3. Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán:

- Kinh phí thường xuyên:

+ Sử dụng phục vụ thu phí:

+ Sử dụng cho hoạt động khác của đơn vị:

- Kinh phí không thường xuyên:

.....

+ Sử dụng phục vụ thu phí:

.....

+ Sử dụng cho hoạt động khác của đơn vị:

2.4. Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:

- Kinh phí thường xuyên:

.....

- Kinh phí không thường xuyên:

.....

Trong đó: Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao:

III. Thuyết minh khác

1. Chi tiền lương:

.....

.

.....

.

2. Thuyết minh khác:

.....

.

.....

.

C. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

.....

.

.....

.

.....

.

.....

.

.....

.

.....

.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Ngày.... tháng.... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Đơn vị thuyết minh báo cáo quyết toán đối với từng nguồn kinh phí thực tế phát sinh tại đơn vị (trường hợp không có phát sinh thì không phải thuyết minh báo cáo).

Nguồn: Thông tư 79/2019/TT-BTC